

**BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐẤT ĐAI, HOA MÀU, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT THU HỒI ĐỂ GPMB THỰC HIỆN
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐIỂM DÂN CƯ MỚI, THÔN VẠN, XÃ MINH ĐỨC, HUYỆN TỨ KỶ (Nay là xã Tứ Kỳ, thành phố Hải Phòng)**

HẠNG MỤC: ĐẤT LUC (đợt 3)

(Kèm theo Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của UBND xã Tứ Kỳ)

TT	Họ và tên	Diện tích đất LUC thu hồi và bồi thường (m2)	Tổng diện tích đất NN đang sử dụng (m2)	Số khẩu được hỗ trợ gạo	Tỉ lệ mất đất (%)	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)					Tổng cộng kinh phí bồi thường, hỗ trợ
						Đất	Đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm	Cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=7+8+9+10+11
1	Đào Thị Lý	648.0	648.0	6	100.0	64,800,000	324,000,000	6,480,000	32,400,000	19,440,000	447,120,000
2	Nguyễn Văn Kinh	231.0	231.0	4	100.0	23,100,000	115,500,000	2,310,000	21,600,000	6,930,000	169,440,000
3	Nguyễn Văn Nhân	242.0	2,862.0	9	8.5	24,200,000	121,000,000	2,420,000	12,150,000	7,260,000	167,030,000
4	Nguyễn Văn Thủ	501.0	1,687.0	5	29.7	50,100,000	250,500,000	5,010,000	6,750,000	15,030,000	327,390,000
5	Nguyễn Văn Chanh	312.0	936.0	6	33.3	31,200,000	156,000,000	3,120,000	16,200,000	9,360,000	215,880,000
6	Nguyễn Văn Choan	292.0	3,165.0	4	9.2	29,200,000	146,000,000	2,920,000	5,400,000	8,760,000	192,280,000
7	Nguyễn Văn Đích	585.0	1,905.0	7	30.7	58,500,000	292,500,000	5,850,000	18,900,000	17,550,000	393,300,000
8	Hoàng Vũ Ngữ	518.0	2,652.0	6	19.5	51,800,000	259,000,000	5,180,000	8,100,000	15,540,000	339,620,000
9	Hoàng Văn Huyền	763.0	1,151.0	4	66.3	76,300,000	381,500,000	7,630,000	10,800,000	22,890,000	499,120,000
	Cộng	4,092.0				409,200,000	2,046,000,000	40,920,000	132,300,000	122,760,000	2,751,180,000